

Số: 79 /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ và Kế hoạch số 152-KH/TU ngày 28/11/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện nội dung Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 26), Kế hoạch số 152-KH/TU ngày 28/11/2022 của Tỉnh ủy (sau đây gọi tắt Kế hoạch số 152) về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về tính chất, tầm quan trọng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ cụ thể các sở, ban, ngành, tổ chức chính – trị xã hội, cơ quan, đơn vị, địa phương để tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết số 19, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phấn đấu thực hiện vượt và đạt các mục tiêu, chỉ tiêu mà Kế hoạch số 152-KH/TU ngày 28/11/2022 của Tỉnh ủy đã đề ra.

2. Yêu cầu

- Bám bảo theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết số 19, Nghị quyết số 26 và Kế hoạch số 152.

- Xác định các nhóm nhiệm vụ, nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của cơ quan quản lý nhà nước ở tỉnh và địa phương, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các sở, ngành và địa phương trong việc triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết số 19, Nghị quyết số 26 và Kế hoạch số 152-KH/TU.

- Cụ thể hóa và triển khai thực hiện quan điểm, chủ trương và giải pháp phát triển “Nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp thông minh”.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển sản phẩm chủ lực, nâng cao giá trị gia tăng, liên kết theo chuỗi giá trị. Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt bình quân 4 -5%/năm.
- Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp khoảng 48 - 50%
- Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất canh tác nông nghiệp: 100 triệu đồng.
- Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt bình quân từ 7,0 đến 8,0%/năm.
- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản được sản xuất dưới hình thức hợp tác và liên kết đạt $\geq 3\%$.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 37%; thành lập mới 30 - 40 hợp tác xã, 01 liên hiệp hợp tác xã; trên 70 HTX hoạt động có hiệu quả; trên 5% hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; trên 15% hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên kết theo chuỗi giá trị.
- 75% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.
- Giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định 52%.
- Phấn đấu đến năm 2025, có 120 đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 53 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và 07 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng

nông thôn mới, trong đó có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Trên 65% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nông thôn được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; tận dụng tối đa lượng chất thải hữu cơ để tái sử dụng, tái chế, làm phân compost hoặc tự xử lý tại hộ gia đình thành phân compost để sử dụng tại chỗ.

- Thu nhập bình quân của người dân: ≥ 48 triệu đồng/người/năm (đối với các xã đặc biệt khó khăn, an toàn khu); ≥ 53 triệu đồng/người/năm (đối với khu vực nông thôn).

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng nông lâm thủy sản bình quân khoảng 4%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản đạt bình quân trên 5%/năm.

- 80% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1 - 1,5%/năm.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội giảm xuống dưới 20%, tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%.

- Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, gắn với phát triển các loại hình du lịch sinh thái; năng suất và hiệu quả rừng trồng và các hệ thống nông lâm kết hợp, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững khoảng 10.000 – 20.000 ha giai đoạn 2021 - 2025, trên 40.000 ha giai đoạn 2026 - 2030.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản bình quân từ 5 - 6%/năm. Tổng sản lượng thủy sản đạt 275.000 tấn/năm, giá trị thủy sản xuất khẩu đạt 25 triệu USD. Xây dựng hình thành 1-2 chuỗi liên kết khai thác, nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

- Trên 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trên 60% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 30% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Trên 50% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom, vận chuyển tới những cơ sở tái chế và xử lý đảm bảo môi trường.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Nền nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi phát triển hiện đại, 100% các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao; hoạt động sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ số trong quản lý và sản xuất; người nông dân có mức thu nhập cao từ nông nghiệp, lao động nông thôn có trình độ kỹ năng nghề cao đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bắt kịp, tiến cùng trình độ tiên tiến của thế giới.

III. Giao nhiệm vụ

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hóa tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính,... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu (*thực hiện thường xuyên*).

b) Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng. Phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống kỹ thuật chuyên ngành thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, động vật, quản lý an toàn thực phẩm. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng; xử lý nghiêm vi phạm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm. Phát triển, nhân rộng thực hiện mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc nông sản, nhất là đối với nhóm nông lâm thủy sản xuất khẩu. Tổ chức thực hiện tốt chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*thực hiện thường xuyên*).

c) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp quản lý, bảo vệ rừng; phòng, chống phá rừng, suy giảm chất lượng rừng; nâng cao chất lượng và trữ lượng rừng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm. Thực hiện hiệu quả chính sách phát triển kinh tế rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, bảo đảm nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng.

d) Rà soát, điều chỉnh, triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch, cơ chế, chính sách ... phát triển nông, lâm, thủy sản đã được phê duyệt và nghiên cứu xây dựng mới cho phù hợp với điều kiện thực tiễn về phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo đảm phát huy lợi thế của từng vùng, địa phương và tạo vùng nguyên liệu tập trung, bền vững cho phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Định kỳ tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu, thực tiễn. Khuyến khích thực hiện dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

e) Nghiên cứu sản xuất, ứng dụng, chuyển giao giống cây trồng và vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh, thích ứng với

biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển giống bản địa có giá trị cao (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

g) Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thực hiện xây dựng nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Quảng Ngãi, thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Triển khai hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

h) Tổ chức sản xuất gắn với phát triển vùng nguyên liệu đặc trưng, chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn và phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị. Tăng cường chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong truyền thông; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP; Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP thông qua các sàn thương mại điện tử, các kênh bán hàng trực tuyến (online), bán hàng tương tác trực tiếp (livestream), đặc biệt cho các sản phẩm có quy mô nhỏ, sản phẩm đặc sản vùng miền, địa phương... (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

i) Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả nội dung Điều chỉnh Quy hoạch Thủy lợi tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Phương án phát triển thủy lợi tỉnh, phương án cấp nước sạch nông thôn thuộc nội dung của Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Thu hút nguồn vốn ODA, vốn ngân sách trung ương, nguồn đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn, ưu tiên vùng khan hiếm, bị ô nhiễm nguồn nước, vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, đảo Lý Sơn; ưu tiên sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước có nguy cơ rủi ro cao; các dự án đê sông, đê biển, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển có tính cấp bách, ảnh hưởng trực tiếp tính mạng, tài sản của người dân và Nhà nước. Tăng cường công tác theo dõi, chỉ đạo việc quản lý, khai thác các công trình thủy lợi theo đúng quy trình vận hành, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí nguồn nước, thực hiện các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh, giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 (*thực hiện thường xuyên*).

l) Triển khai các Đề án, Kế hoạch Chuyển đổi số nông nghiệp, phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong khuyến nông (*thực hiện thường xuyên*).

m) Tổ chức kiểm tra, giám sát; định kỳ tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để nghiên cứu thay thế, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu, thực tiễn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, ưu tiên các vùng khó khăn, miền núi, hải đảo, phân đầu không để chênh lệch lớn giữa các vùng. Nâng cao hiệu quả đầu tư, tích hợp một số chương trình đầu tư đang triển khai trên địa bàn nông thôn vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP) (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

b) Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 02 lần giai đoạn 2011 - 2020. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ của các nước, các tổ chức và cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hỗ trợ thành lập các vườn ươm công nghệ, trung tâm khởi nghiệp, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

b) Đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

c) Xây dựng các chương trình, đề án mang tính đột phá và khoa học công nghệ đặc biệt trong ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chủ động thích ứng biến đổi khí hậu (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

d) Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

4. Sở Y tế

Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản nông thôn. Thực hiện tốt chính sách

bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

5. Sở Công Thương

a) Triển khai thực hiện Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi Quy hoạch kinh tế - xã hội tỉnh được phê duyệt đối với hệ thống hạ tầng cụm công nghiệp; phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập các CCN gắn với thu hút Doanh nghiệp/HTX đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp; phấn đấu đến năm 2030 thành lập từ 07 đến 10 cụm công nghiệp (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

b) Triển khai thực hiện Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với CCN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

c) Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 12/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, trong đó, ưu tiên khuyến khích doanh nghiệp đầu tư máy móc, công nghệ đa dạng hóa sản phẩm, giảm và chuyển mạnh từ chế biến thô, sơ chế sang chế biến sâu, chế biến tinh; hỗ trợ chuyển đổi, mở rộng, nâng cấp và xây dựng các nhà máy chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm đồ uống với công nghệ tiên tiến, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh môi trường tại các vùng thuận lợi về nguyên liệu và cơ sở dịch vụ hậu cần trên cơ sở khả năng nguồn cung nguyên liệu; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

d) Tăng cường công tác hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn, tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi theo định kỳ 02 năm/lần. Tập trung thực hiện các giải pháp hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để nghiên cứu đề xuất về việc xác định chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông nghiệp (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

6. Sở Xây dựng

Quy hoạch, kiến trúc khu dân cư, công trình, nhà ở phù hợp với truyền thống văn hoá, cảnh quan, môi trường, điều kiện thực tế từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học - công nghệ trong thiết kế, quản lý, xây dựng kiến trúc nông thôn (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

7. Sở Giao thông vận tải

Đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá kết cấu hạ tầng giao thông; tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn – miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Đổi mới công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh, khởi nghiệp cho lao động nông thôn. Xây dựng các mô hình, điển hình thành công về học nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn để làm hạt nhân cho công tác tuyên truyền, hướng nghiệp ở vùng nông thôn. rà soát các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là chính sách hỗ trợ đối với lao động chuyển đổi nghề nghiệp, chính sách hỗ trợ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động (*thực hiện thường xuyên*).

b) Nâng cao chất lượng đào tạo trong các cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Mở rộng, đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, đẩy mạnh các hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, giúp người lao động dễ dàng tiếp cận với giáo dục nghề nghiệp để nâng cao trình độ, kỹ năng nghề. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo, tuyển sinh, tổ chức đào tạo và đánh giá, cấp chứng chỉ, tạo việc làm cho lao động nông thôn (*thực hiện thường xuyên*).

c) Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động nông thôn. Tổ chức đào tạo ban đầu cho lực lượng lao động trẻ để chuyển đổi nghề nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ; đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho người lao động đang làm việc để thích ứng với sự thay đổi công nghệ (*thực hiện thường xuyên*).

d) Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động ở từng vùng, từng địa phương; thiết lập cơ chế gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; chú trọng gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động để gắn kết đào tạo và sử dụng lao động. Tăng cường việc tổ chức các phiên giao dịch việc làm tại khu vực nông thôn (*thực hiện thường xuyên*).

e) Tập trung triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó triển khai phát triển giáo dục nghề nghiệp khu vực nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, chất lượng, nhân lực có kỹ năng nghề (*thực hiện thường xuyên*).

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phát triển hiệu quả tuyến du lịch nội tỉnh, kết nối các điểm du lịch sinh thái, nông thôn, điểm du lịch cộng đồng. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp lĩnh vực xây dựng các tuyến du lịch liên kết các điểm du lịch có tiềm năng tại các vùng nông thôn trong tỉnh như tuyến: (1) TP. Quảng Ngãi - Bình Sơn - Trà Bồng; (2) TP. Quảng Ngãi - Nghĩa Hành - Minh Long - Ba Tơ; (3) TP. Quảng Ngãi - Bình Sơn - Lý Sơn; (4) TP. Quảng Ngãi - Mộ Đức - Đức Phổ - Ba Tơ; (5) TP. Quảng Ngãi - Sơn Hà - Sơn Tây...*(năm 2023 và những năm tiếp theo)*.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin - truyền thông trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch. Xây dựng và triển khai kế hoạch “Chuyển đổi số trong hoạt động du lịch” nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá của điểm đến, đẩy mạnh quảng bá để sử dụng rộng rãi App Du lịch Quảng Ngãi. Xây dựng, sản xuất ấn phẩm, vật phẩm phục vụ xúc tiến du lịch giới thiệu sản phẩm dịch vụ du lịch nông thôn tại các hội chợ du lịch để nâng cao chất lượng, chú trọng phát huy hình thức gian hàng online. Khuyến khích các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh, các đơn vị truyền thông báo chí tổ chức các đoàn khảo sát, đoàn FAMTRIP, PRESSTRIP tham quan trải nghiệm, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm du lịch... *(năm 2023 và những năm tiếp theo)*.

c) Tiếp tục thực hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống - văn hóa” và Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu đô thị văn minh; phát triển các môn thể thao dân tộc và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động thể dục thể thao *(năm 2023 và những năm tiếp theo)*.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông truyền truyền về Nghị quyết số 19, Nghị quyết số 26 và Kế hoạch số 152 về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn *(năm 2023 và những năm tiếp theo)*.

b) Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và hướng dẫn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số trong việc khai thác, sử dụng các nền tảng số và các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và tham gia các sàn thương mại điện tử. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 20/06/2022 của UBND tỉnh về Phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi *(năm 2023 và những năm tiếp theo)*.

c) Tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông phát triển các trạm thu phát sóng thông tin di động trong phạm vi toàn tỉnh, thực hiện xóa vùng lõm

sóng; phát triển hạ tầng băng rộng tốc độ cao trên địa bàn tỉnh (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

11. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Đề án Điều tra, đánh giá thực trạng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 sau khi được UBND tỉnh phê duyệt (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

b) Xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai có hiệu quả công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, tập trung triển khai tại cả 3 khu vực (đô thị, nông thôn, hải đảo), tại các khu vực công cộng, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, khu du lịch, chợ, trung tâm thương mại, khu vui chơi, giải trí. Xây dựng các mô hình xã hội hóa trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; triển khai, áp dụng các mô hình điển hình, tiên tiến đem lại hiệu quả cao trong công tác thu gom và xử lý. Ưu tiên lựa chọn các công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn kết hợp với thu hồi năng lượng nhằm tiết kiệm tài nguyên, hạn chế gây ô nhiễm môi trường do chất thải gây ra (*thực hiện thường xuyên*).

c) Tham mưu triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật đất đai sau khi được Trung ương sửa đổi, bổ sung.

12. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh

a) Tăng cường tổ chức tập huấn, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến với hội viên nông dân. Vận động hội viên tham gia phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi. Tập trung vận động tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ Nông dân và hỗ trợ cho các mô hình phát triển kinh tế. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn chuyên giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, công nghiệp 4.0 trong sản xuất nông nghiệp đến hội viên nông dân trong tỉnh, cung cấp con giống, cây giống có giá trị kinh tế và phù hợp với từng địa phương (*thực hiện thường xuyên*).

b) Vận động cán bộ, hội viên nông dân trồng cây che phủ rừng, hưởng ứng phong trào xây dựng nông thôn mới, nông thôn kiểu mẫu, tham gia bảo vệ môi trường nông thôn. Tuyên truyền, vận động hội viên tham gia vào tổ hợp tác, hợp tác xã để phát triển kinh tế tập thể; đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hóa tập trung, quy mô lớn, đảm bảo an toàn thực phẩm (*thực hiện thường xuyên*).

c) Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp cung ứng vật tư, máy móc thiết bị, hỗ trợ mua phân bón trả chậm, đào tạo nghề, tiêu thụ sản phẩm nông

ng nghiệp, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hội viên nông dân trong tỉnh (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

13. Ban Dân tộc tỉnh

Tiếp tục hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

14. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi

Thực hiện hiệu quả chính sách tài chính, tín dụng hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh; chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Phát huy vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong cung cấp tín dụng đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, nhất là với hộ nghèo và các đối tượng chính sách (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

15. Bảo hiểm Xã hội tỉnh

Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng nhanh tỷ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

16. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Xử lý triệt để những tồn đọng về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường, chấm dứt tình trạng các công ty nông, lâm nghiệp được giao đất, cho thuê đất nhưng không đầu tư, tổ chức sản xuất mà khoán trắng cho hộ gia đình, cá nhân hoặc đầu tư, tổ chức sản xuất không hiệu quả, không đúng mục đích (*thực hiện thường xuyên*).

b) Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn kết với phát triển đô thị, khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cả về số lượng, chất lượng; chống sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thoái hoá đất (*thực hiện thường xuyên*).

c) Kịp thời rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung các xã giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030; triển khai lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn. Triển khai lập, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh (*năm 2023 và những năm tiếp theo*).

d) Xây dựng hệ thống khuyến nông của cộng đồng. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tăng cường giám sát các chương trình đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Thí điểm, nhân rộng các mô hình đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến phù hợp, hiệu quả; mở rộng sản xuất nông sản hàng hóa gắn với xây dựng, phát triển các vùng nguyên liệu tập

trung. Phát triển, nhân rộng các loại hình kinh tế trong nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất với chế biến, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (năm 2023 và những năm tiếp theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban ngành và địa phương chịu trách nhiệm chủ động triển khai thực hiện đảm bảo về thời gian, chất lượng và hiệu quả. Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trước ngày 10/12 để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự UBND tỉnh trước ngày 30/12.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

3. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch số 152-KH/TU ngày 28/11/2022 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các tổ chức Chính trị - Xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KTN (lnphong136)



Đặng Văn Minh